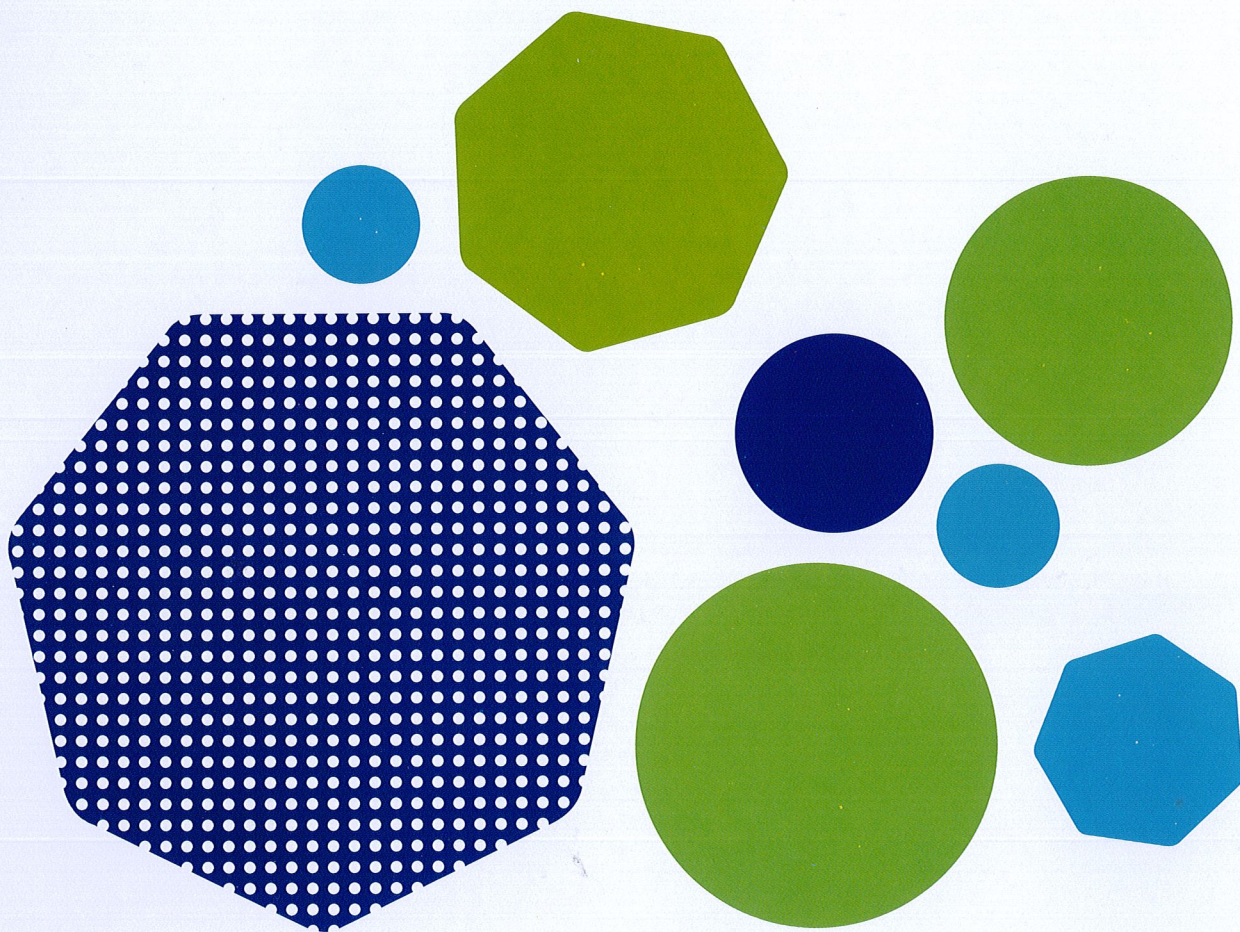




Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VĨNH BẢO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023**



Thành viên độc lập của Hãng UHY Quốc tế

*Giúp Khách hàng
phát triển thịnh vượng*

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 từ trang 06 đến trang 19 kèm theo.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

Ông Lê Minh Tân

Ban Giám Đốc

Ông Đỗ Trung Khánh

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hiếu

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm soát viên

Ông Lê Văn Vường

Kế toán trưởng

Ông Vũ Văn Lượng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Minh Tân

Chủ tịch Công ty

Vĩnh Bảo, ngày 04 tháng 3 năm 2024

Số: 167/2024/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 04/03/2024, từ trang 6 đến trang 19, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kê tiền mặt tồn quỹ và hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2023. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số “12. Vốn chủ sở hữu”, Công ty phân phối toàn bộ lợi nhuận năm 2023 để trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi mà chưa có Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Hà Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1221-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2024

Lê Đức Hạnh

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 3340-2020-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.856.990.618	10.392.643.733
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.786.902.740	8.331.681.439
Tiền	111		3.786.902.740	8.331.681.439
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.928.067.150	1.924.171.449
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	165.129.067	158.145.917
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	1.890.000.000	1.893.087.449
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5	(127.061.917)	(127.061.917)
Hàng tồn kho	140		142.020.728	136.790.845
Hàng tồn kho	141	7	142.020.728	136.790.845
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		311.199.045.720	310.667.339.281
Tài sản cố định	220		311.086.585.720	310.656.689.281
Tài sản cố định hữu hình	221	9	311.086.585.720	310.656.689.281
- Nguyên giá	222		331.429.200.662	331.147.650.662
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.342.614.942)	(20.490.961.381)
Tài sản dài hạn khác	260		112.460.000	10.650.000
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	112.460.000	10.650.000
TỔNG TÀI SẢN	270		317.056.036.338	321.059.983.014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.441.606.934	6.087.705.703
Nợ ngắn hạn	310		2.441.606.934	6.087.705.703
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	78.511.396	81.318.524
Phải trả ngắn hạn khác	319	11	24.180.350	3.824.081.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.338.915.188	2.182.306.179
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		314.614.429.404	314.972.277.311
Vốn chủ sở hữu	410	12	292.122.730.404	292.480.578.311
Vốn góp của chủ sở hữu	411		292.122.730.404	292.480.578.311
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		22.491.699.000	22.491.699.000
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		22.491.699.000	22.491.699.000
TỔNG NGUỒN VỐN	440		317.056.036.338	321.059.983.014



Lê Minh Tân
Chủ tịch Công ty
Vĩnh Bảo, ngày 04 tháng 3 năm 2024

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	33.078.775.780	33.017.979.580
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		33.078.775.780	33.017.979.580
Giá vốn hàng bán	11	14	25.043.156.986	25.169.407.500
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.035.618.794	7.848.572.080
Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	109.598.066	86.107.083
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16	5.744.852.234	5.597.753.912
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.400.364.626	2.336.925.251
Thu nhập khác	31		30.818.200	68.181.900
Lợi nhuận khác	40		30.818.200	68.181.900
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.431.182.826	2.405.107.151
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	127.216.117	146.119.748
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.303.966.709	2.258.987.403



Lê Minh Tân
Chủ tịch Công ty
Vĩnh Bảo, ngày 04 tháng 3 năm 2024

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		33.083.231.495	36.054.270.360
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(9.995.007.162)	(10.528.894.566)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(16.979.826.000)	(16.834.613.300)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(146.500.000)	(201.934.493)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		18.392.507.770	20.048.336.705
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(28.235.434.468)	(23.924.368.439)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.881.028.365)	4.612.796.267
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(815.287.000)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		41.909.100	70.181.900
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		109.627.566	86.107.083
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(663.750.334)	156.288.983
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.544.778.699)	4.769.085.250
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	8.331.681.439	3.562.596.189
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	3.786.902.740	8.331.681.439



Lê Minh Tân
Chủ tịch Công ty
Vĩnh Bảo, ngày 04 tháng 3 năm 2024

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 06/07/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200110909 ngày 09/07/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 08/11/2018.

Chủ sở hữu của Công ty là UBND Thành phố Hải Phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 12/256 khu phố Đông Thái, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 248.000.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi tám tỷ đồng*). Vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2023 là 292.122.730.404 đồng (*Hai trăm chín mươi hai tỷ, một trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, bốn trăm linh bốn một đồng*)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Sửa chữa, tu bổ công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Vận hành hệ thống công trình thủy lợi, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, các thành phần kinh tế khác và đời sống dân sinh;
- Bán buôn máy móc, nông cụ, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy lợi;
- Bán lẻ máy, nông cụ, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thủy lợi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất, dịch vụ nước sạch phục vụ sinh hoạt và các nhu cầu sản xuất trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo;
- Tư vấn lập thiết kế kết cấu các công trình thủy lợi, giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác, xây dựng các công trình trong hệ thống; quản lý vốn và thủy lợi phí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được trình bày theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Đối với các công trình nạo vét kênh, sửa chữa nâng cấp cống theo Quyết định giao của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng bằng nguồn ngân sách không bao gồm nguồn cấp bù miễn thủy lợi phí, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định, sẽ ghi nhận doanh thu và giá vốn, đồng thời ghi nhận tăng nguyên giá đối với các dự án sửa chữa nâng cấp kênh cống theo chi phí đã tập hợp và tăng nguồn vốn góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 40
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	10

Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/08/2018 của Bộ Tài chính, theo đó, một số tài sản cố định thuộc các loại sau không phải trích khấu hao:

- Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước;
- Tài sản là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đắp bằng đất, xây đúc bằng bê tông của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước (như hồ, đập, kênh, mương...);
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

3.5 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo số tiền thanh toán thực tế cho bên nhà thầu. Chi phí này bao gồm giá mua, chi phí mua đang tập hợp, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng, chi phí chung của ban quản lý và chi phí đi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 2 năm.

3.7 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm tài chính, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.7 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm doanh thu từ thủy lợi phí, doanh thu từ hoạt động sửa chữa, tu bổ, nạo vét kênh mương, tưới tiêu... phục vụ mục đích thủy lợi theo hợp đồng đặt hàng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP Hải Phòng; doanh thu cung cấp nước thô; doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu dịch vụ cung cấp nước thô ghi nhận căn cứ sản lượng cung cấp nước hàng kỳ có xác nhận của các đơn vị mua.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

3.8 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Các khoản tổn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

3.9 THUẾ

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Hoạt động tưới tiêu, nạo vét kênh mương nội đồng không chịu thuế GTGT;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp của Công ty là 5% (không bao gồm hoạt động nạo, vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp từ nguồn thủy lợi phí).

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động khác của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	352.551.493	605.032.473
Tiền gửi ngân hàng	3.434.351.247	7.726.648.966
Cộng	3.786.902.740	8.331.681.439

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Xã Trần Dương - Thủy lợi phí	89.797.917	(89.797.917)	89.797.917	(89.797.917)
- Sở Nông nghiệp và PTNT Hải Phòng	700.000	(700.000)	700.000	(700.000)
- BQLDA ĐTXD huyện Vĩnh Bảo	1.000.000	(1.000.000)	1.000.000	(1.000.000)
- Công ty CP Tân Sơn	25.414.000	-	31.084.000	-
- Ban quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hải Phòng	32.571.000	(32.571.000)	32.571.000	(32.571.000)
- Công ty CP Xây dựng Toàn Thành	12.653.150	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.993.000	(2.993.000)	2.993.000	(2.993.000)
	165.129.067	(127.061.917)	158.145.917	(127.061.917)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	-	3.087.449	-
- Phải thu khác (*)	1.890.000.000	-	1.890.000.000	-
Cộng	1.890.000.000		1.893.087.449	-

(*) Là khoản thu hồi để hoàn trả Ngân sách trung ương theo Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 25/05/2022 của UBND thành phố Hải Phòng do phân bổ chưa đúng mục tiêu hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai năm 2017, số tiền 1.890.000.000 đồng. Bao gồm các hạng mục công trình:

- Nâng cấp cứng hóa mương tưới sau trạm bơm Trại Chanh: 350.000.000 đồng
- Nâng cấp cứng hóa mương tưới sau trạm bơm Nền Quán: 660.000.000 đồng
- Nâng cấp cứng hóa mương tưới sau trạm bơm Cầu 6: 880.000.000 đồng

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	142.020.728	-	136.790.845	-
Cộng	142.020.728	-	136.790.845	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	112.460.000	10.650.000
Cộng	112.460.000	10.650.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	296.269.412.666	34.371.925.696	426.944.000	79.368.300	331.147.650.662
- Tăng trong năm	-	-	837.287.000	-	837.287.000
- Thanh lý trong năm	(555.737.000)	-	-	-	(555.737.000)
31/12/2023	295.713.675.666	34.371.925.696	1.264.231.000	79.368.300	331.429.200.662
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2023	(15.259.895.978)	(4.724.753.103)	(426.944.000)	(79.368.300)	(20.490.961.381)
- Khấu hao trong năm	(38.451.754)	-	-	-	(38.451.754)
- Thanh lý trong năm	186.798.193	-	-	-	186.798.193
31/12/2023	(15.111.549.539)	(4.724.753.103)	(426.944.000)	(79.368.300)	(20.342.614.942)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	281.009.516.688	29.647.172.593	-	-	310.656.689.281
31/12/2023	280.602.126.127	29.647.172.593	837.287.000	-	311.086.585.720

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 4.311.981.050 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	36.937.835	172.335.605	167.538.400	41.735.040
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.433.749	127.216.117	146.500.000	7.149.866
- Thuế thu nhập cá nhân	-	30.573.030	20.000.000	10.573.030
- Thuế tài nguyên	17.946.940	74.730.980	73.624.460	19.053.460
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	226.242.000	226.242.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9.787.000	9.787.000	-
Cộng	81.318.524	640.884.732	643.691.860	78.511.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty TNHH Hưng Long Khánh	-	2.474.116.000
+ Sửa chữa kênh xây sau trạm bơm Bãi Hàm	-	1.704.725.000
+ Sửa chữa kênh xây sau trạm bơm Quân Thiềng	-	769.391.000
- Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Duy Hưng	-	980.112.000
+ Sửa chữa kênh xây sau trạm bơm Bảo Ngãi	-	980.112.000
- Các khoản phải trả phải nộp khác	24.180.350	369.853.000
Cộng	24.180.350	3.824.081.000

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2022	292.580.578.311	-	292.580.578.311
- Tăng vốn trong năm	-	-	-
- Lãi trong năm	-	2.258.987.403	2.258.987.403
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(2.258.987.403)	(2.258.987.403)
- Giảm khác	(100.000.000)	-	(100.000.000)
31/12/2022	292.480.578.311	-	292.480.578.311
01/01/2023	292.480.578.311	-	292.480.578.311
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
- Lãi trong năm	-	2.303.966.709	2.303.966.709
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(2.303.966.709)	(2.303.966.709)
- Giảm khác (**)	(357.847.907)	-	(357.847.907)
31/12/2023	292.122.730.404	-	292.122.730.404

(*) Công ty đã tạm phân phối toàn bộ lợi nhuận năm 2023 để trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi; theo quy định hiện hành, việc phân phối lợi nhuận của Công ty cần được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt.

(**) Thanh lý Công Đông Quất theo công văn số 426/STC-TCDN ngày 13/02/2023 và Công Hà Phương theo công văn số 2559/STC-TCDN ngày 23/06/2023 của của Sở Tài chính thành phố Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Doanh thu thủy lợi phí	29.715.881.680	29.741.078.680
- Doanh thu bán nước thô	3.362.894.100	3.276.900.900
Cộng	33.078.775.780	33.017.979.580

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Giá vốn thủy lợi phí	22.995.695.320	23.219.992.934
- Giá vốn bán nước thô	2.047.461.666	1.949.414.566
Cộng	25.043.156.986	25.169.407.500

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	109.598.066	86.107.083
Cộng	109.598.066	86.107.083

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	4.664.491.847	4.456.777.793
- Chi phí đồ dùng văn phòng	169.942.115	169.942.115
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.327.839	30.777.903
- Thuế và các khoản lệ phí	236.029.000	185.900.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	186.032.000	216.198.306
- Chi phí bằng tiền khác	457.029.433	538.157.795
Cộng	5.744.852.234	5.597.753.912

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.431.182.826	2.405.107.151
Các khoản chi phí không được trừ	-	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	1.795.102.245	1.674.508.412
- Lợi nhuận phân bổ hoạt động thủy lợi	1.795.102.245	1.674.508.412
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	636.080.581	730.598.739
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	127.216.117	146.119.748
Chi phí thuế TNDN hiện hành	127.216.117	146.119.748

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. THÔNG TIN KHÁC

18.1 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

18.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.



Lê Minh Tân

Chủ tịch Công ty

Vĩnh Bảo, ngày 04 tháng 3 năm 2024

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu

